

ĐIỀU LỆ
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

- Tên tiếng Việt: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai.
- Tên tiếng nước ngoài: Dong Nai Union Science and Technology Associations.
- Tên viết tắt: DUSTA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Liên hiệp Hội) là tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tại địa phương, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết, phát huy sức mạnh sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần xây dựng đất nước, xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, phát triển theo hướng xanh, văn minh, hiện đại, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Liên hiệp Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên hiệp Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Liên hiệp Hội là tổ chức thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; và là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai.

2. Trụ sở của Liên hiệp Hội đặt tại: Số 281 Đường 30 tháng 4, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên hiệp Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Đồng Nai, về lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Liên hiệp Hội chịu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ về lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Liên hiệp Hội

- Tự nguyện, tự quản.
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Được hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Không vì mục tiêu lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM

CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH

Điều 6. Quyền của Liên hiệp Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ Liên hiệp Hội được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên hiệp Hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho Hội thành viên, Hội viên tổ chức trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hội thành viên, Hội viên tổ chức.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Liên hiệp Hội, Hội thành viên, Hội viên tổ chức và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên hiệp Hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các Hội thành viên, Hội viên tổ chức vì lợi ích chung của Liên hiệp Hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho Hội thành viên, Hội viên tổ chức; cung cấp thông tin cần thiết cho Hội thành viên, Hội viên tổ chức theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, đề tài, dự án theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Liên hiệp Hội và lĩnh vực Liên hiệp Hội hoạt động.
10. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên hiệp Hội.

12. Được tổ chức một số hoạt động kinh tế; được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân; tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và một số cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật.

13. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.

14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên hiệp Hội.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên hiệp Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên hiệp Hội và điều lệ Liên hiệp Hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Liên hiệp Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Liên hiệp Hội chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước là Sở Khoa học và Công nghệ về lĩnh vực khoa học và công nghệ và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 49 của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

5. Tập hợp, phát triển Hội thành viên, Hội viên tổ chức; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các Hội thành viên, Hội viên tổ chức vì lợi ích chung của Liên hiệp Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên hiệp Hội; đoàn kết Hội thành viên, Hội viên tổ chức trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Hội thành viên, Hội viên tổ chức, các tầng lớp Nhân dân.

6. Tuyên truyền, phổ biến, vận động hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên hiệp hội, điều lệ, quy chế, quy định của Liên hiệp Hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới Hội

thành viên, Hội viên tổ chức; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội;

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Liên hiệp Hội để làm cơ sở cho Liên hiệp Hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7, Điều 19, Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, Liên hiệp Hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà về ngành, lĩnh vực chính Liên hiệp Hội hoạt động tại địa phương và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội.

12. Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ; Báo cáo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Mẫu số 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên hiệp Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Liên hiệp Hội danh sách Hội thành viên, Hội viên tổ chức, tổ chức thuộc Liên hiệp Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Liên hiệp Hội, biên bản các cuộc họp ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra Liên hiệp Hội.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 6 Điều lệ này phải dành cho hoạt động Liên hiệp Hội theo quy định của Điều lệ Liên hiệp Hội, không được chia cho Hội thành viên, Hội viên tổ chức.

17. Việc sử dụng kinh phí của Liên hiệp Hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội đảm bảo công khai, minh bạch; thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Liên hiệp Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Sở Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên hiệp Hội hoạt động.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra Liên hiệp Hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Liên hiệp Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý Hội thành viên, Hội viên tổ chức; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên hiệp Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Liên hiệp Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Liên hiệp Hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên hiệp Hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Liên hiệp Hội vào cơ sở dữ liệu về Liên hiệp Hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Liên hiệp Hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của Liên hiệp Hội; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các pháp nhân trực thuộc Liên hiệp Hội; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ (nếu có) theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ Liên hiệp Hội; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng.

22. Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường; mời đại diện cấp có thẩm quyền theo quy định dự họp Ban Thường vụ Liên hiệp Hội. Khi xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm, Liên hiệp Hội phải xác định rõ chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo Liên hiệp Hội trước ngày 30 tháng 6.

23. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội theo như quy định tại Chương V, Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ và phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

24. Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Liên hiệp Hội phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý

nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên hiệp Hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của Liên hiệp Hội.

25. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

HỘI THÀNH VIÊN, HỘI VIÊN TỔ CHỨC

CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH

Điều 8. Hội thành viên, Hội viên tổ chức, tiêu chuẩn Hội thành viên, Hội viên tổ chức của Liên hiệp Hội

1. Hội thành viên

Là các tổ chức hội hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, tán thành Điều lệ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai và tự nguyện tham gia làm Hội thành viên của Liên hiệp Hội.

2. Hội viên tổ chức

Là các tổ chức viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp hoạt động hợp pháp trên các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ trong phạm vi tỉnh, tán thành điều lệ Liên hiệp Hội và tự nguyện tham gia Liên hiệp Hội, đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ Liên hiệp Hội có thể trở thành Hội viên tổ chức của Liên hiệp Hội

Điều 9. Quyền của các Hội thành viên, Hội viên tổ chức

1. Được Liên hiệp Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Liên hiệp Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội, được tham gia các hoạt động do Liên hiệp Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên hiệp Hội theo quy định của Liên hiệp Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên hiệp Hội theo quy định của Liên hiệp Hội.

5. Được giới thiệu Hội thành viên, Hội viên tổ chức mới.

7. Được khen thưởng theo quy định của Liên hiệp Hội.

8. Được ra khỏi Liên hiệp Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là Hội thành viên, Hội viên tổ chức của Liên hiệp Hội.

9. Được hưởng các quyền khác do Liên hiệp Hội quy định (nếu có).

Điều 10. Nghĩa vụ của các Hội thành viên, Hội viên tổ chức

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Liên hiệp Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên hiệp Hội; đoàn kết, hợp tác với các Hội thành viên, Hội viên tổ chức khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Liên hiệp Hội, không được nhân danh Liên hiệp Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên hiệp Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên hiệp Hội.

5. Đóng góp nguồn lực cho hoạt động của Liên hiệp Hội theo quy định của Liên hiệp Hội (nếu có).

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp Hội thành viên, Hội viên tổ chức, thủ tục ra khỏi Liên hiệp Hội

1. Thủ tục đăng ký tham gia làm Hội thành viên, Hội viên tổ chức của Liên hiệp Hội.

a) Ban Chấp hành Hội, lãnh đạo tổ chức, cá nhân có đơn xin gia nhập Liên hiệp Hội (theo mẫu do Liên hiệp Hội cung cấp).

b) Gửi kèm Điều lệ Hội, quy chế tổ chức và hoạt động, danh sách Ban Chấp hành Hội, tổ chức có nhu cầu gia nhập làm thành viên của Liên hiệp Hội. Đối với cá nhân thì cung cấp lý lịch trích ngang.

2. Thẩm quyền kết nạp, thủ tục ra khỏi Liên hiệp Hội.

a) Ban Chấp hành Liên hiệp Hội cơ quan cao nhất có thẩm quyền kết nạp, xóa tên tư cách Hội thành viên, Hội viên tổ chức của Liên hiệp Hội.

b) Thủ tục ra khỏi Liên hiệp Hội.

Hội thành viên, Hội viên tổ chức làm văn bản xin ra khỏi Liên hiệp Hội. Kèm theo văn bản xin ra khỏi Liên hiệp Hội phải có nghị quyết của Ban Chấp hành, văn bản thống nhất trong lãnh đạo của tổ chức về việc xin ra khỏi Liên hiệp Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Liên hiệp Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội (nếu có) thành lập theo quy định tại Điều 25 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên hiệp Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số Hội thành viên, Hội viên tổ chức chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số Hội thành viên, Hội viên tổ chức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Liên hiệp Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Liên hiệp Hội;

d) Thông qua điều lệ Liên hiệp Hội hoặc thảo luận đổi tên Liên hiệp Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Liên hiệp Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành;

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Liên hiệp Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay, giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Liên hiệp Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các Hội thành viên, Hội viên tổ chức chính thức của Liên hiệp Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên

Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên hiệp Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên hiệp Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên hiệp Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên hiệp Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý Hội thành viên, Hội viên tổ chức; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên hiệp Hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Liên hiệp Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Liên hiệp Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với chủ tịch và phó chủ tịch phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện. Số ủy viên và tổng số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên hiệp Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 lần (06 tháng/01 lần), có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên hiệp Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Liên hiệp Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Liên hiệp Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên hiệp Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên hiệp Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên hiệp Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 4 lần (01 lần/quý), có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên hiệp Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Liên hiệp Hội do Ban Chấp hành bầu và chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên hiệp Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Liên hiệp Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội, Hội thành viên, Hội viên tổ chức;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Liên hiệp Hội, Hội thành viên, Hội viên tổ chức, các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17. Các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội

Việc thành lập các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội (nếu có) thực hiện theo Điều 25 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội

1. Chủ tịch Liên hiệp Hội là đại diện của Liên hiệp Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên hiệp Hội. Chủ tịch Liên hiệp Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Liên hiệp Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Liên hiệp Hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

- Có đủ sức khỏe để làm việc, có tinh thần trách nhiệm, năng lực, uy tín cao; trình độ chuyên môn từ cao học trở lên.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Liên hiệp Hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến Chủ tịch Liên hiệp Hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến Chủ tịch Liên hiệp Hội thuộc các trường khác phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện;

- Về độ tuổi, nhân sự dự kiến Chủ tịch Liên hiệp Hội là người đã nghỉ hưu thì tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử không quá 65 tuổi, trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi, do cấp thẩm quyền xem xét quyết định¹.

- Về nhiệm kỳ: Chủ tịch Liên hiệp Hội giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đã giữ chức vụ 02 nhiệm kỳ liên tiếp mà chưa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định thì cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.²

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên hiệp Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên hiệp Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp Hội về mọi hoạt động của Liên hiệp Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Liên hiệp Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Liên hiệp Hội;

đ) Khi Chủ tịch Liên hiệp Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên hiệp Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

¹ Khoản 3 Điều 3 Quy chế số 33-QC/TU ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy Đồng Nai.

² Khoản 2 Điều 3 Quy chế số 33-QC/TU ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy Đồng Nai.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên hiệp Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách Liên hiệp Hội được bầu không quá 02 người. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách (nếu có) do Liên hiệp Hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách

5. Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội do Ban Chấp hành Liên hiệp Hội quy định.

Về độ tuổi, nhân sự dự kiến Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội là người đã nghỉ hưu thì tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử không quá 65 tuổi và không được quá hai nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đã giữ chức vụ 02 nhiệm kỳ liên tiếp mà chưa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định thì cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.³

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên hiệp Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Liên hiệp Hội theo sự phân công của Chủ tịch Liên hiệp Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên hiệp Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên hiệp Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp Hội phù hợp với Điều lệ Liên hiệp Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên hiệp Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Liên hiệp Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Liên hiệp Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Liên hiệp Hội;

³ Khoản 2 Điều 3 Quy chế số 33-QC/TU ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy Đồng Nai.

b) Ban Chấp hành Liên hiệp Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội.

Điều 19. Thường trực Liên hiệp Hội

1. Thường trực Liên hiệp Hội (gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách) là cơ quan điều hành công việc hàng ngày của Liên hiệp Hội; chỉ đạo điều hành hoạt động của Liên hiệp Hội giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ.

2. Thường trực Liên hiệp Hội hoạt động theo nguyên tắc tập thể, thiểu số phục tùng đa số, 01 tháng họp 01 lần. Khi cần Chủ tịch có thể triệu tập bất thường.

Điều 20. Cơ quan Liên hiệp Hội

1. Cơ quan Liên hiệp Hội có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc tổ chức các hoạt động triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Liên hiệp Hội; tham mưu các chương trình phối hợp với Liên hiệp Hội Việt Nam,; với các sở, ban, ngành, các địa phương và các tổ chức liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên hiệp Hội.

2. Cơ quan Liên hiệp Hội gồm văn phòng, phòng nghiệp vụ và các đơn vị chuyên môn do Liên hiệp Hội thành lập theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên hiệp Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên hiệp Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Liên hiệp Hội, nghị quyết Ban Chấp hành Liên hiệp Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Liên hiệp Hội

Việc thu hồi con dấu đối khi đổi tên, bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội

1. Tài chính của Liên hiệp Hội:

a) Nguồn thu của Liên hiệp Hội

- Thu từ các hoạt động của Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Liên hiệp Hội:

- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao;

- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Liên hiệp Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Liên hiệp Hội:

a) Tài sản của Liên hiệp Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên hiệp Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Liên hiệp Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Liên hiệp Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi Liên hiệp Hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Liên hiệp Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Liên hiệp Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Liên hiệp Hội được hình thành từ nguồn tự có của Liên hiệp Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Liên hiệp Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội:

a) Tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên hiệp Hội;

b) Tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Liên hiệp Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết

kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Liên hiệp Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Liên hiệp Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Liên hiệp Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên hiệp Hội và *Sổ Tài chính* tỉnh;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của *Sổ Tài chính* tỉnh;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Liên hiệp Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Liên hiệp Hội

Căn cứ quy định tại Điều 36 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ để thực hiện.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 25. Khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức thuộc Liên hiệp Hội, Hội thành viên, Hội viên tổ chức có thành tích xuất sắc được Liên hiệp Hội khen thưởng hoặc được Liên hiệp Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Cá nhân, tổ chức thuộc Liên hiệp Hội, Hội thành viên, Hội viên tổ chức vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, khai trừ hoặc cho thôi việc.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên hiệp Hội này gồm 8 Chương, 28 Điều, được Đại hội đại biểu Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thông qua và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Liên hiệp Hội và Điều lệ Liên hiệp Hội, Ban Chấp hành Liên hiệp Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.